TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 27-6-2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc.

2. Bà Đặng Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị PH – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 506/2024/TLST – DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về vụ việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số: 22/2025/QĐST – DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 128, đường Đ, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà T, sinh năm 1995. Theo giấy ủy quyền số: 20/2024/UQ-SVN ngày 20/01/2024. Địa chỉ liên hệ: Số 459, đường T, thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà M, sinh năm 2005. Theo giấy ủy quyền số: 13/2025/UQ-SVN ngày 26/02/2015.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 30, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà M có mặt. Bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đại diện uỷ quyền của nguyên đơn Công ty C trình bày*:**

Vào ngày 24/12/2020 bà H thoả thuận ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty C theo Hợp đồng cầm cố số DTM201201027NA15X và giấy mượn xe ký cùng ngày 24/12/2020. Tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, loại xe AIRBLADE FI, biển số xe: 49E1-375.12, số khung: RLHJF4614EZ432961, số máy: JF46E7061233 theo giấy chứng nhận đăng ký số: 002990 do Công an huyện Đ cấp ngày 14/04/2015, chủ sở hữu là bà H với số tiền cầm cố là 14.400.000 đồng. Thời hạn cầm cố: 12 tháng, mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Ngày giải ngân: 24/12/2020, bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản 64610000254248 của bà H mở tại Ngân hàng Đ - Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch Đ. Bà H đã nhận đủ số tiền cầm cố với Công Ty C. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; phí thẩm định tài sản: 4%/tháng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản cầm cố được đăng ký theo phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 24/12/2020.

Do nhu cầu đi lại, phụ vụ công việc, ngày 24/12/2020, bà H đã có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, thời hạn mượn xe là 30 ngày từ ngày 24/12/2020 đến 24/01/2021, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Lâm Đồng - Đ 1, bà H có cam kết mượn đúng thời hạn và trả lại xe tại địa điểm đã thỏa thuận nhưng đến nay chưa trả lại xe cho Công ty.

Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố vào các ngày:

- Ngày 25/01/2021, bà H đã thanh toán cho Công ty số tiền là 1.634.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 899.600 đồng, tiền lãi và phí là: 734.400 đồng).

- Ngày 24/02/2021, bà H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 1.634.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 945.472 đồng, tiền lãi và phí là: 688.527 đồng).

- Ngày 25/3/2021, bà H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 1.634.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 993.684 đồng, tiền lãi và phí là: 640.315 đồng).

- Ngày 23/4/2021, bà H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 1.634.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 1.044.1355 đồng, tiền lãi và phí là: 589.645 đồng).

- Ngày 18/6/2021, bà H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 1.689.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 1.098.166 đồng, tiền lãi và phí là: 590.834 đồng).

- Ngày 25/6/2021, bà H đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 1.634.000 đồng (trong đó tiền gốc là: 1.153.581 đồng, tiền lãi và phí là: 480.419 đồng).

Tổng số tiền bà H thanh toán cho công ty là: 9.859.000đồng (trong đó tiền gốc là: 6.134.860 đồng, tiền lãi và phí là: 3.724.140 đồng).

Sau đó, bà H vi phạm nghĩa vụ hợp đồng không thanh toán nữa.

Nay Công ty C yêu cầu bà H trả cho Công ty C số tiền 8.265.139 đồng gốc và tiền lãi từ ngày 21/10/2024 trở đi với lãi suất 1,1%/tháng.

Khi bà H thực hiện thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty C có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của bà H theo quy định của pháp luật.

- ***Theo bị đơn bà H:***

Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C và cũng như không cung cấp giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty C yêu cầu bà H trả cho Công ty C số tiền 8.265.139 đồng và tiền lãi từ ngày 21/10/2024 trở đi với lãi suất 1,1%/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đại diện theo ủy quyền Công ty C thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn bà H không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản" giữa nguyên đơn Công ty C và bị đơn bà H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn bà H.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của Công ty C yêu cầu bà H trả cho Công ty C số tiền 8.265.139 đồng gốc và tiền lãi từ ngày 21/10/2024 trở đi với lãi suất 1,1%/tháng, thì thấy rằng:

Vào ngày 24/12/2020, bà H ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty C theo Hợp đồng cầm cố số DTM201201027NA15X và giấy mượn xe ký cùng ngày 24/12/2020. Tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Honda, loại xe AIRBLADE FI, biển số xe: 49E1-375.12; số khung:

RLHJF4614EZ432961, số máy: JF46E7061233 theo giấy chứng nhận đăng ký số: 002990 do Công an huyện Đ cấp ngày 14/04/2015, chủ sở hữu là bà H với số tiền cầm cố là 14.400.000 đồng. Công ty đã giải ngân: Ngày 24/12/2020, bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản 64610000254248 của bà H mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam. Bà H đã nhận đủ số tiền cầm cố với Công Ty C.

Do nhu cầu đi lại, phụ vụ công việc, ngày 24/12/2020, bà H đã có đơn gửi Công ty xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, thời hạn mượn xe là 30 ngày từ ngày 24/12/2020 đến 24/01/2021. Quá trình thực hiện, bà H đã trả được 01 phần gốc và lãi.

[3] Tính đến ngày 21/12/2024, bà H trả được cho Công ty C số tiền 6.134.861 đồng gốc. Bà H còn nợ lại Công ty C số tiền 8.265.139 đồng gốc thì ngưng không thực hiện theo hợp đồng nên Công ty C yêu cầu bà H trả cho Công ty C số tiền 8.265.139 đồng gốc và tiền lãi từ ngày 21/10/2024 trở đi với lãi suất 1,1%/tháng đến nay là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà H; Tiến hành tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải cho bà H; Tiến hành tống đạt thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà H; Tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên toà, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bà H nhưng bà H không có ý kiến.

Lãi được tính như sau: 8.265.139 đồng x 1,1%/30 ngày x 247 ngày = 748.546 đồng lãi.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Công ty C số tiền 8.265.139 đồng gốc và số tiền 748.546 đồng lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Đối với xe AIRBLADE FI, biển số đăng ký: 49E1-375.12 mang tên bà H cầm cố cho Công ty C là hợp pháp có đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng bà H đã nhận lại xe AIRBLADE FI, biển số đăng ký: 49E1-375.12 nên không xem xét nhưng hiện Công ty C đang giữ của bà H bản chính 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002990, mang tên H, số máy: JF46E7061233, số khung: RLHJF4614EZ432961, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Vàng đen, loại xe AIRBLADE FI, biển số đăng ký: 49E1-375.12, do Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14 tháng 4 năm 2015 nên cần buộc Công ty C trả lại cho bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C được chấp nhận nên buộc bị đơn bà H phải chịu số tiền 450.684 đồng (9.013.685 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 309, 310, 311, 314, 3315, 316, 319, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C về việc *"Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản"* đối với bị đơn bà H.

Buộc bà H có nghĩa vụ cho Công ty C số tiền 8.265.139 đồng gốc và số tiền 748.546 đồng lãi (tổng cộng là 9.013.685 đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho bà H bản chính 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002990, mang tên H, số máy: JF46E7061233, số khung: RLHJF4614EZ432961, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Vàng đen, loại xe AIRBLADE FI, biển số đăng ký: 49E1-375.12, do Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14 tháng 4 năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà H phải chịu 450.684 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công Ty C số tiền 378.578 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000302 ngày 03/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Công Ty C có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ